



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Nhựa An Phát Xanh

Ngày 30/06/2025	7,250 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.8%	-	-

DT thuần Q2/25
2,310
tỷ VNĐ
QoQ: ▼1,546 -40.1%
YoY: ▼472 -17.0%

LN thuần Q2/25
214
tỷ VNĐ
QoQ: ▲150 237%
YoY: ▲40.0 23.1%

LN sau thuế Q2/25
181
tỷ VNĐ
QoQ: ▲126 226%
YoY: ▲43.0 31.1%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
10.7%
YoY: +/-▲ 8.0%

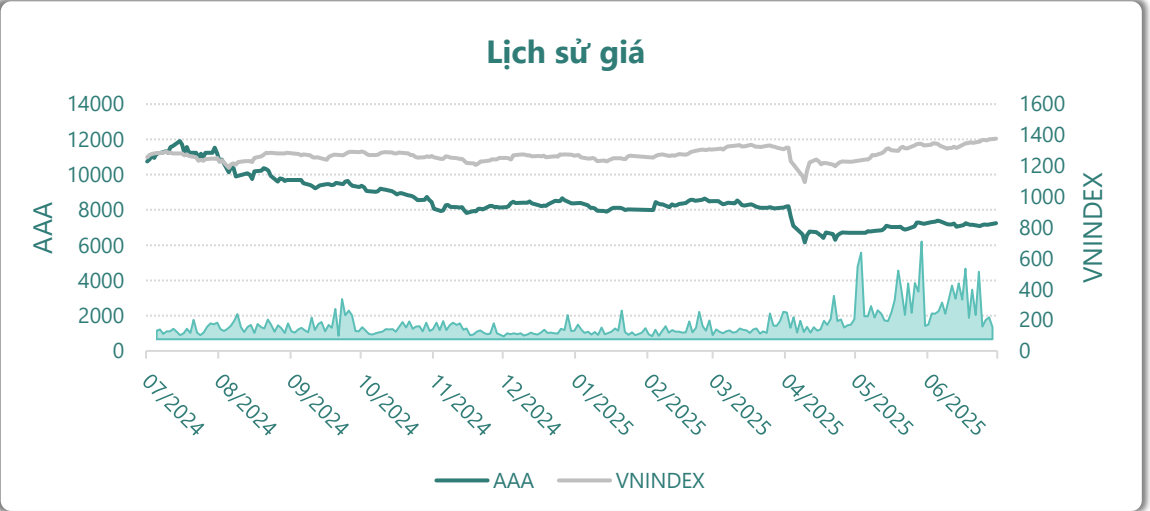
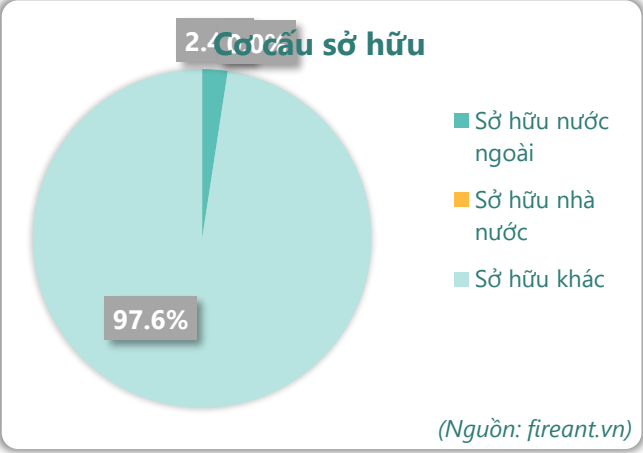
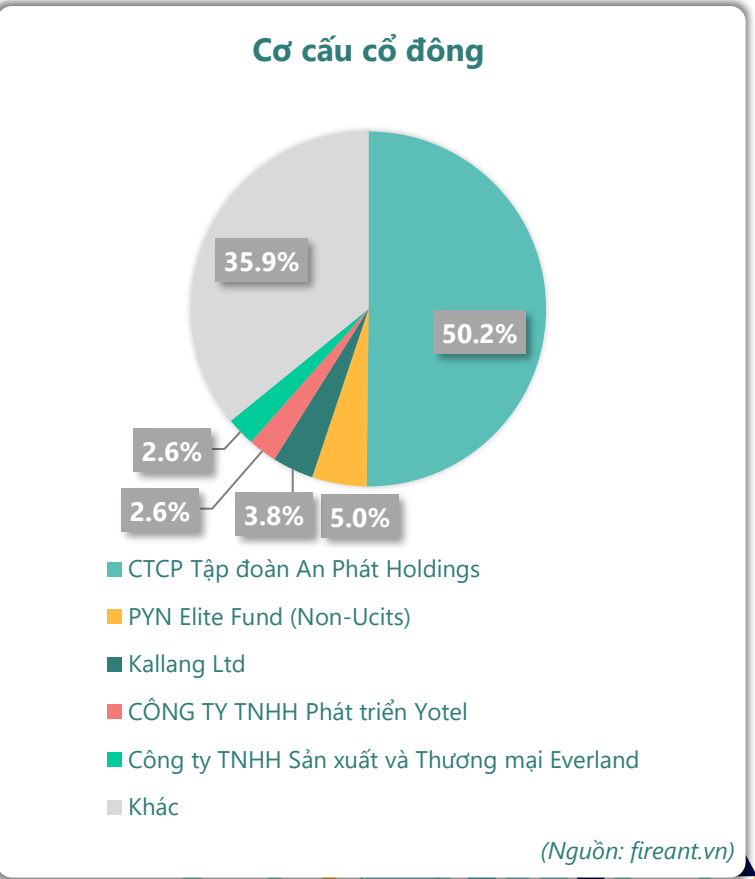
ROE (TTM) Q2/25
4.5%
YoY: +/-▼ 0.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	6,155 - 11,907
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,771
Số lượng CPLH (CP)	382,274,496
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,614,657
Sở hữu nước ngoài	2.4%
Beta	1.09
EPS	702
P/E	10.3

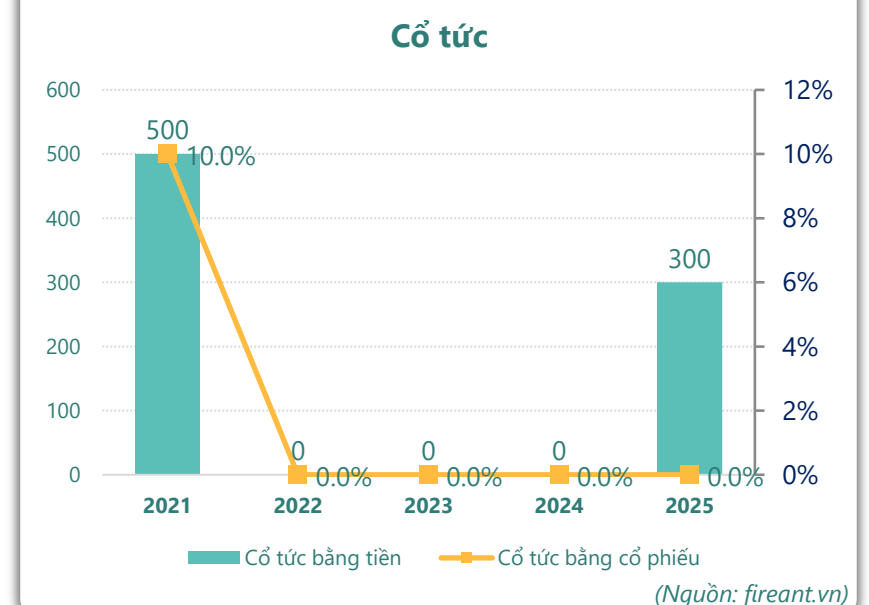
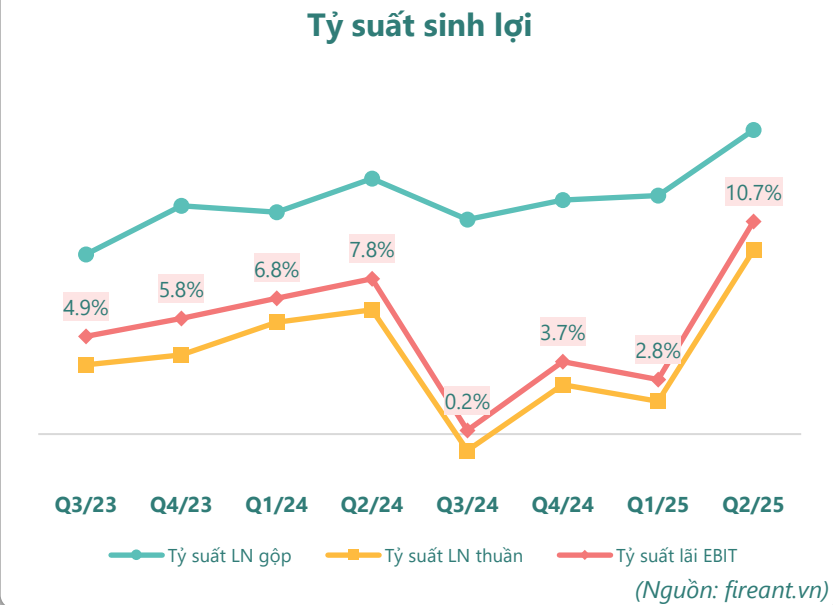
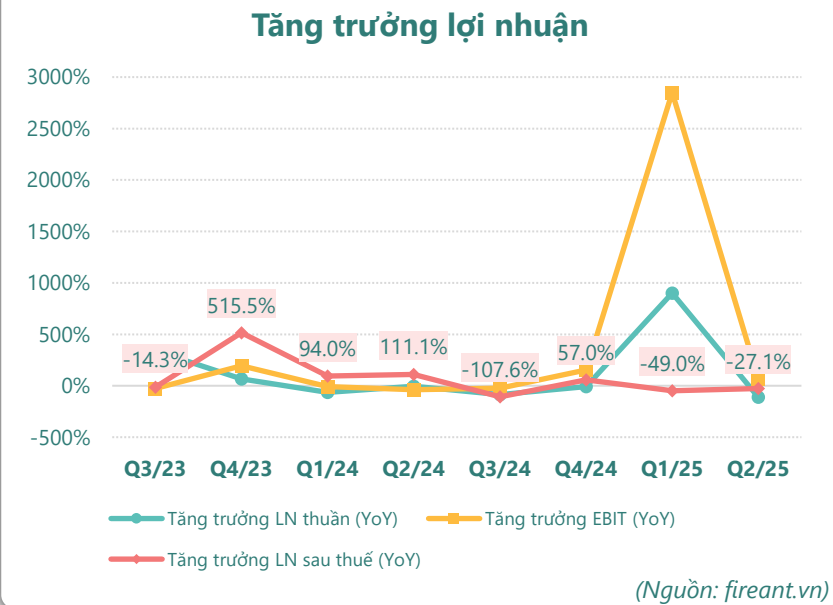
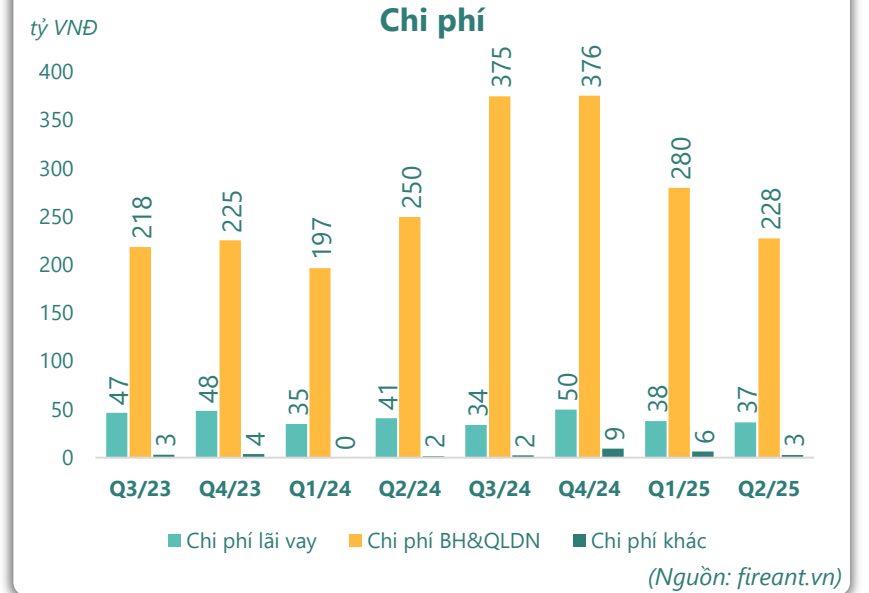
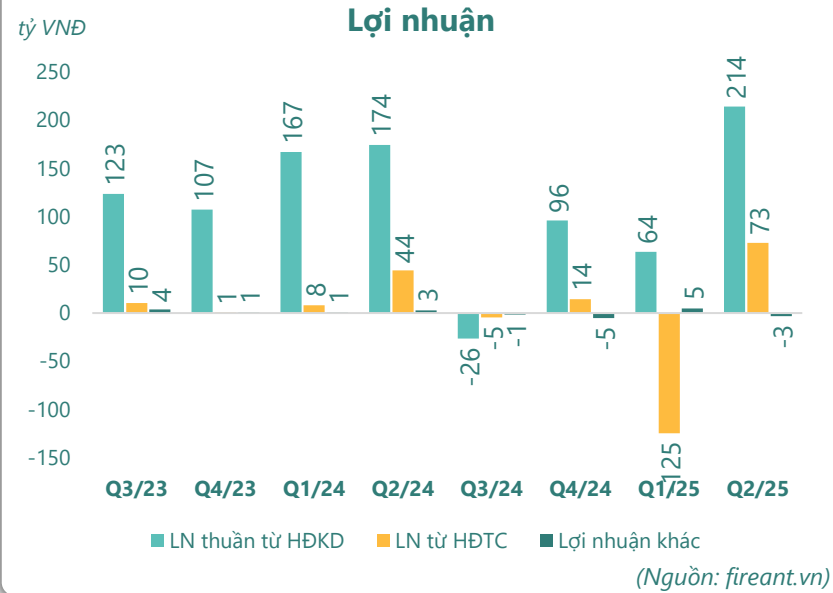
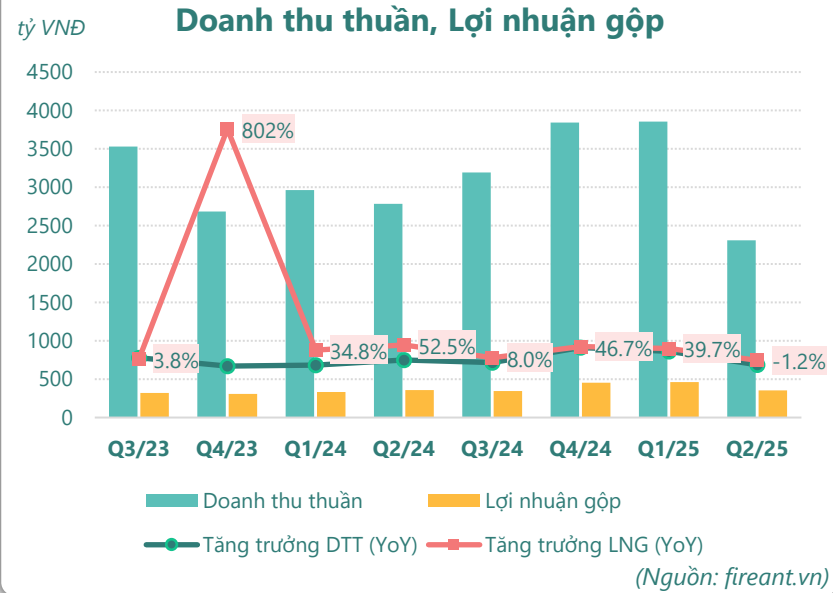
DT thuần 6T 2025
6,166
tỷ VNĐ
YoY: ▲420 7.3%

LN thuần 6T 2025
278
tỷ VNĐ
YoY: ▼63.0 -18.6%

LN sau thuế 6T 2025
236
tỷ VNĐ
YoY: ▼46.0 -16.1%



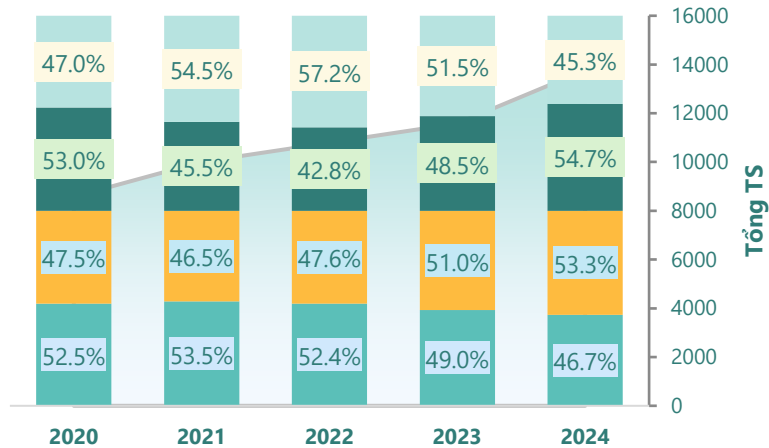
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

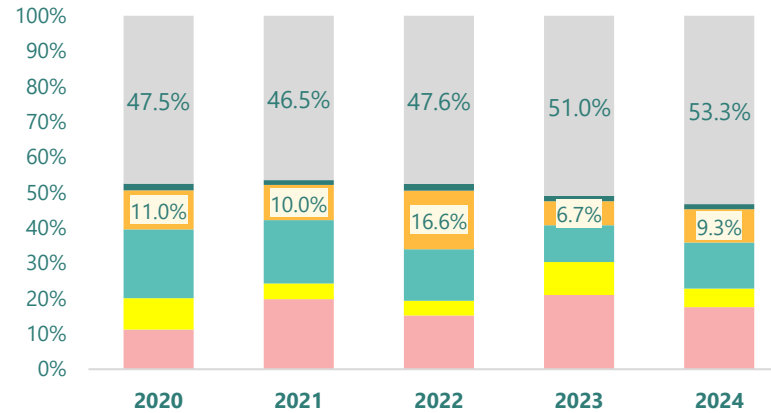
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



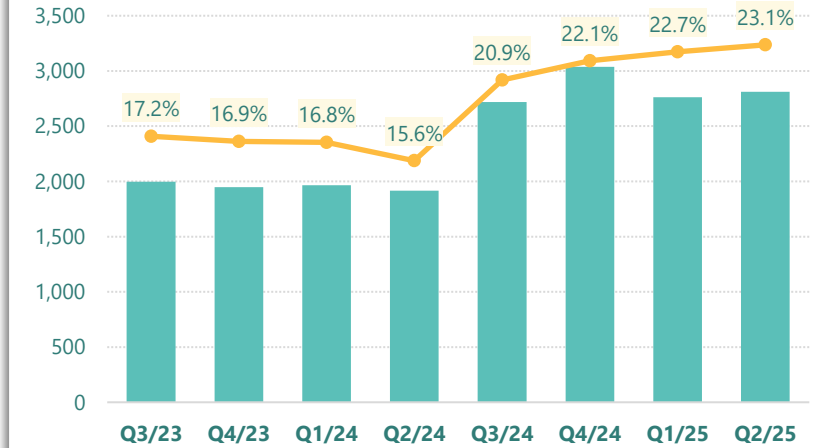
■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn

■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

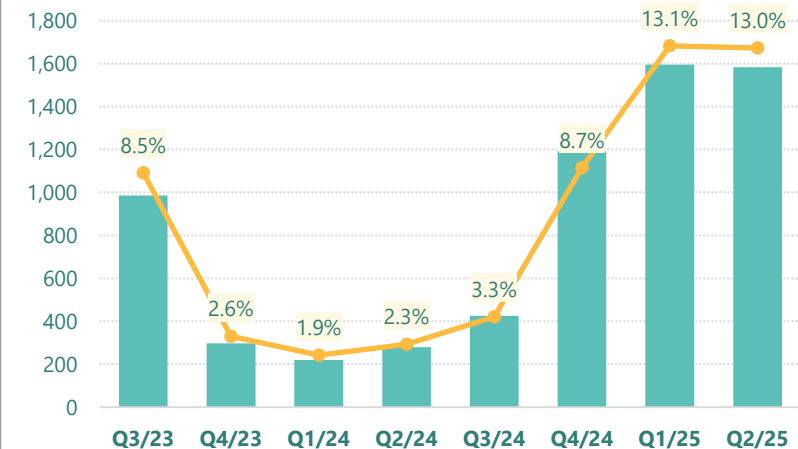


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

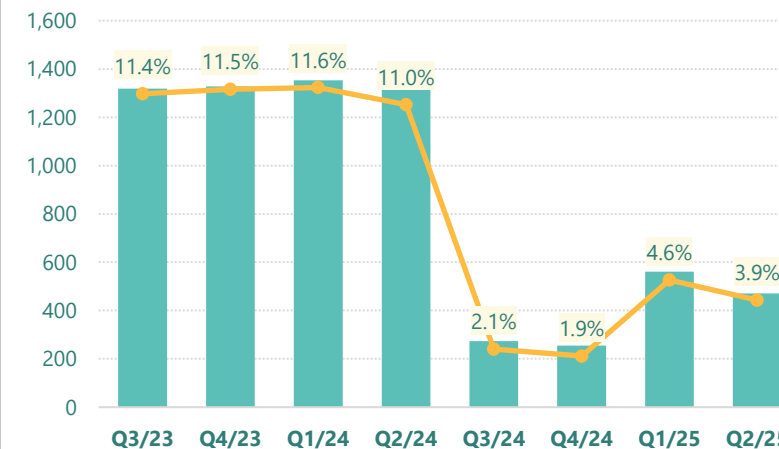


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

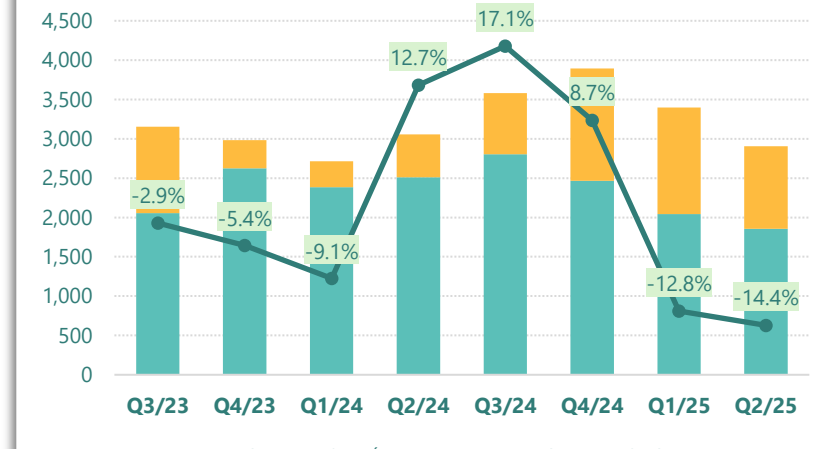


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

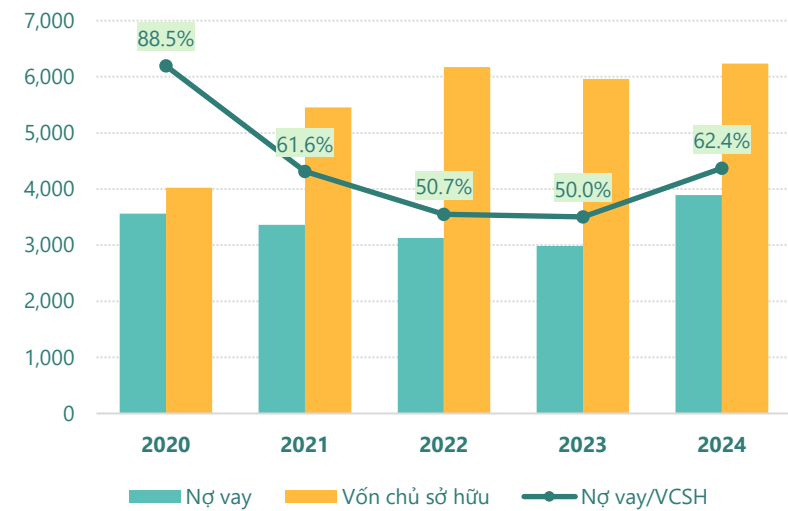
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

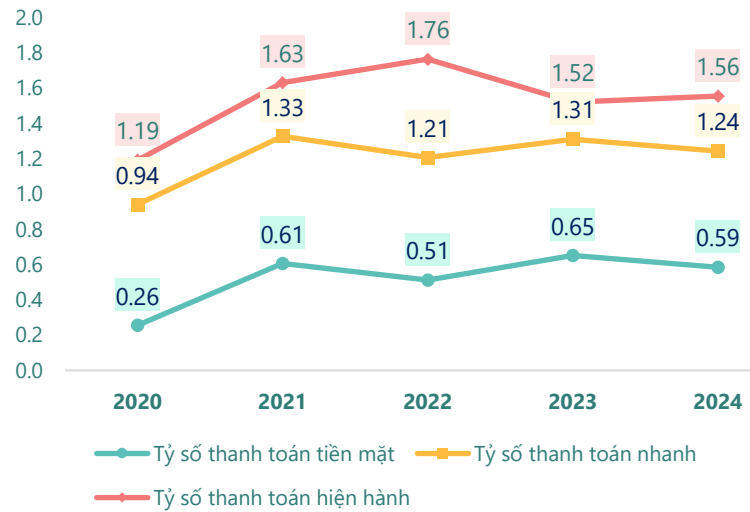
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



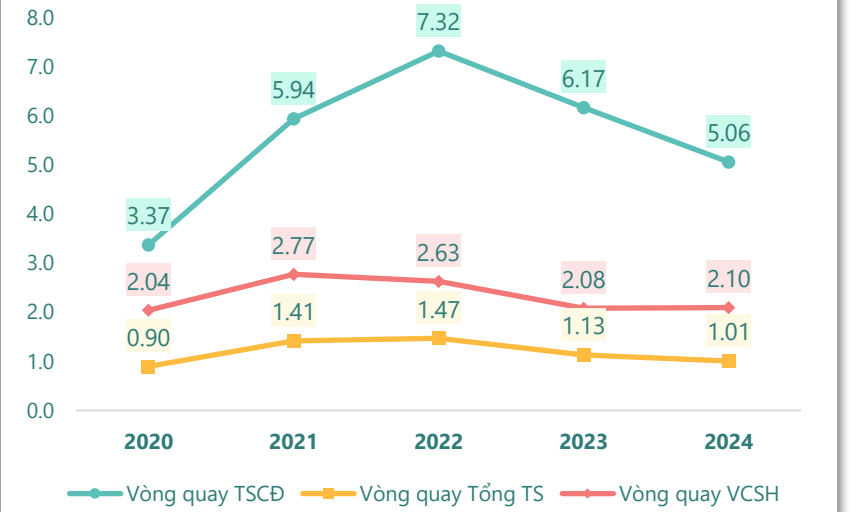
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



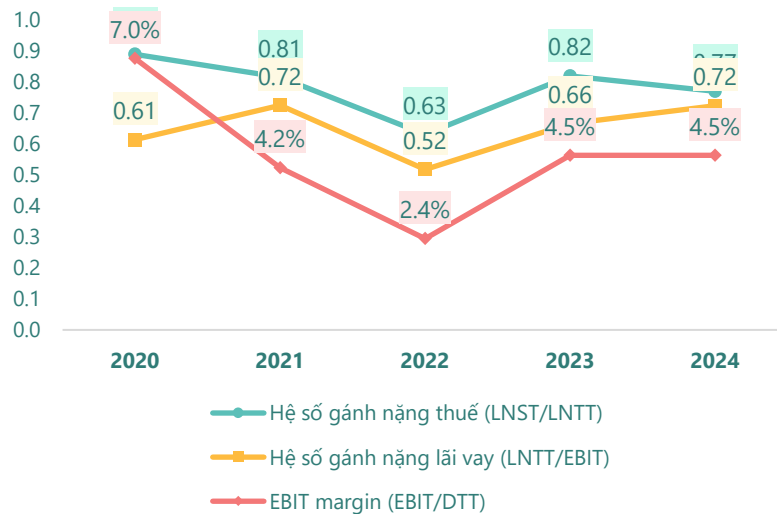
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



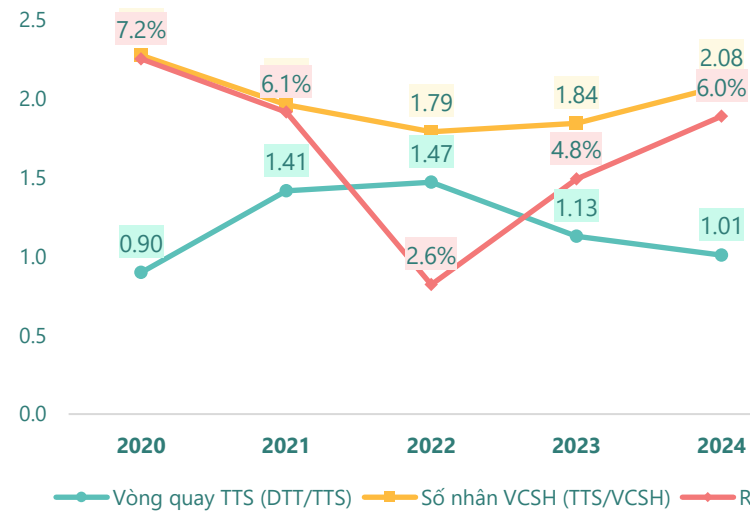
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



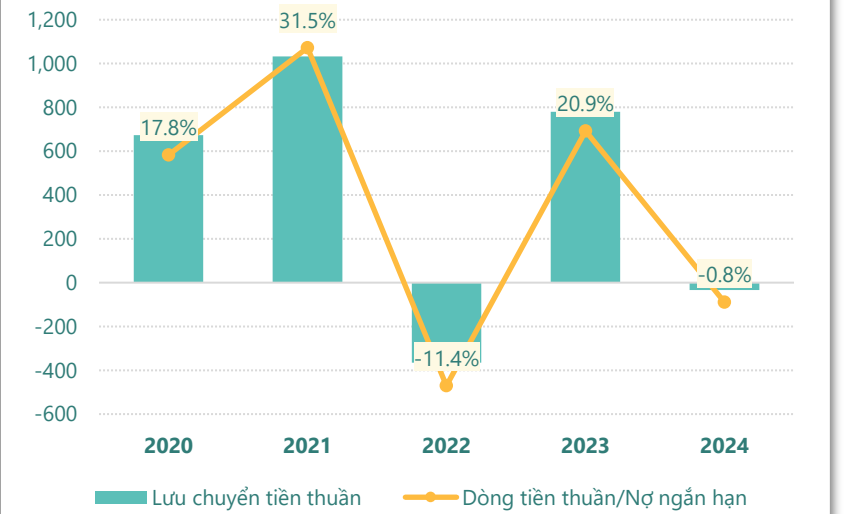
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,310	2,782	-17.0%	6,166	5,746	7.3%
Giá vốn hàng bán	1,956	2,424	-19.3%	5,349	5,056	5.8%
Lợi nhuận gộp	354	358	-1.1%	818	690	18.5%
Doanh thu HĐTC	73.3	98.1	-25.2%	111	146	-24.0%
Chi phí TC	0.59	53.9	-98.9%	163	93.7	73.7%
Chi phí lãi vay	36.6	40.8	-10.2%	74.5	75.8	-1.8%
LN trong công ty LKLD	14.8	21.5	-31.1%	19.1	45.2	-57.7%
Chi phí bán hàng	127	173	-26.6%	309	296	4.2%
Chi phí QLDN	101	76.4	31.6%	199	150	32.6%
LN thuần từ HĐKD	214	174	23.1%	278	341	-18.6%
Lợi nhuận khác	-3.13	2.87	-209%	1.74	3.77	-54.0%
LN trước thuế	211	177	19.2%	279	345	-19.0%
Lợi nhuận sau thuế	181	138	31.1%	236	282	-16.1%
LNST của CĐ cty mẹ	132	136	-3.2%	177	271	-34.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	177	308	-4.22	213	-68.3	275
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-310	-517	-364	208	-409	-73.1
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-284	337	165	42.5	164	-631
Tiền đầu kỳ	2,435	2,017	2,188	1,946	2,420	2,106
Lưu chuyển tiền thuần	-417	128	-203	464	-313	-429
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.38	42.4	-39.3	10.2	-0.14	29.1
Tiền cuối kỳ	2,017	2,188	1,946	2,420	2,106	1,706

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	12,160	13,768	-11.7%
Tài sản ngắn hạn	4,553	6,426	-29.2%
Tiền và tương đương tiền	1,706	2,420	-29.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	229	719	-68.1%
Phải thu ngắn hạn	1,475	1,801	-18.1%
Hàng tồn kho	987	1,286	-23.3%
Tài sản ngắn hạn khác	154	201	-23.0%
Tài sản dài hạn	7,607	7,342	3.6%
Phải thu dài hạn	349	385	-9.3%
Tài sản cố định	2,811	3,037	-7.4%
Bất động sản đầu tư	1,273	1,304	-2.4%
Tài sản dở dang	1,583	1,225	29.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	471	254	85.4%
Tài sản dài hạn khác	979	980	-0.1%
Lợi thế thương mại	141	156	-10.0%
Nợ phải trả	6,315	7,532	-16.2%
Nợ ngắn hạn	3,190	4,133	-22.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,857	2,555	-27.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	600	873	-31.3%
Nợ dài hạn	3,124	3,399	-8.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,049	1,340	-21.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,845	6,236	-6.3%
Vốn chủ sở hữu	5,845	6,236	-6.3%
Vốn điều lệ	3,823	3,823	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

